

tra, giám sát việc thu tiền phạt và sử dụng tiền phạt theo đúng quy định.

4. Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu, nộp và sử dụng tiền phạt đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện có gì khó khăn, vướng mắc, Cục Cảnh sát biển phản ánh về liên Bộ để xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

KT. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
Thủ trưởng

Trung tướng NGUYỄN VĂN RINH

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

QUYẾT ĐỊNH số 179/2000/QĐ-BLĐTBXH
ngày 22/2/2000 về việc ban hành
Quy chế tạm thời về cấp và quản
lý Chứng chỉ đào tạo và giáo dục
định hướng cho người lao động đi
làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 96/CP ngày 07/12/1993

của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 152/1999/NĐ-CP ngày 20/9/1999 của Chính phủ quy định việc người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 1635/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 13 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế Đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý lao động với nước ngoài,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tạm thời về cấp và quản lý Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng cho lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Quản lý lao động với nước ngoài, Giám đốc Nhà xuất bản Lao động xã hội, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc và Hiệu trưởng các cơ sở đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
Thủ trưởng

NGUYỄN LƯƠNG TRÀO

QUY CHẾ tạm thời về cấp và quản lý Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài

(ban hành kèm theo Quyết định số 179/2000/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/2/2000 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng cho lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng) nói trong Quy chế này là Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng được ban hành kèm theo Quyết định số 1635/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 13 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế Đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Điều 2. Cơ sở đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là cơ sở đào tạo) nói trong Quy chế này là các tổ chức có tư cách pháp nhân được quy định tại Điều 3 trong Quy chế Đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành ngày 13 tháng 12 năm 1999.

Chương II

QUẢN LÝ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG

Điều 3. Giao Cục Quản lý lao động với nước ngoài phối hợp với Nhà xuất bản Lao động xã hội

thống nhất in, quản lý, phát hành Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng trên phạm vi cả nước.

Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng có đóng dấu nổi của Cục Quản lý lao động với nước ngoài trên bìa (trang 1) và được đánh số theo thứ tự.

Điều 4. Cơ sở đào tạo nhận Chứng chỉ đào tạo giáo dục định hướng từ Cục Quản lý lao động với nước ngoài để cấp cho người lao động theo số lượng đã đăng ký hàng năm và định kỳ hàng quý, năm báo cáo số lượng đã cấp cho Cục Quản lý lao động với nước ngoài.

Điều 5. Cục Quản lý lao động với nước ngoài và các cơ sở đào tạo phải lập sổ theo dõi việc quản lý và cấp Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng; trong trường hợp Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng bị mất hoặc thất lạc, các cơ sở đào tạo ngoài việc báo cáo với cơ quan công an để điều tra xem xét, phải báo cáo ngay Cục Quản lý lao động với nước ngoài để xem xét, giải quyết.

Điều 6. Cơ sở đào tạo thực hiện các công việc sau: dán ảnh học viên được cấp Chứng chỉ, đóng dấu của cơ sở đào tạo lên ảnh (phía dưới, góc bên phải) và ghi đầy đủ các nội dung vào Chứng chỉ; các nội dung ghi vào Chứng chỉ (trang 2 và 3) được viết bằng loại mực màu đen; chữ viết rõ ràng; họ tên của học viên được cấp được viết kiểu chữ in hoa.

Điều 7. Cục Quản lý lao động với nước ngoài hướng dẫn thu hồi bản gốc và đổi Chứng chỉ mới trong trường hợp Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng bị hỏng.

Chương III

CẤP CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG

Điều 8. Thẩm quyền cấp Chứng chỉ đào tạo và

giáo dục định hướng là Hiệu trưởng hoặc Giám đốc cơ sở đào tạo theo quy định tại Quy chế này.

Điều 9. Cơ sở đào tạo tổ chức cấp Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng cho học viên hoàn thành khóa học theo quyết định kỳ thi khóa học không quá 5 ngày kể từ ngày kết thúc khóa học.

Điều 10. Học viên hoàn thành khóa đào tạo và giáo dục định hướng thi đạt yêu cầu được cấp Chứng chỉ. Học viên đã nhận Chứng chỉ mà bị mất nếu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì được xét để cấp lại. Việc cấp lại Chứng chỉ do Cục Quản lý lao động với nước ngoài quy định cụ thể.

Điều 11. Học viên có quyền khiếu nại về việc cấp Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng của cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật lên Cục Quản lý lao động với nước ngoài. Trong 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Cục Quản lý lao động với nước ngoài phải trả lời theo thẩm quyền.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức, cá nhân nào vi phạm về việc in, phát hành, quản lý, cấp phát Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 13. Cục Quản lý lao động với nước ngoài có trách nhiệm hướng dẫn các cơ sở đào tạo việc cấp, quản lý Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng; thường xuyên tổ chức kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện Quy chế này./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thứ trưởng

NGUYỄN LƯƠNG TRÀO

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 33/2000/QĐ-BTC ngày 06/3/2000 về việc sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X;

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 204/CP-KTTH ngày 02/3/2000 về việc điều chỉnh giá và thuế đôi với xăng dầu;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 quy định tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BTC ngày 03/2/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới như sau: